TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 484/2020/KDTM-PT
Ngày: 09/6/2020
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Công Toại;**

Các Thẩm phán: **Bà Hoàng Thị Bích Thảo;**

Bà Phùng Thị Như Mai.

Thư ký phiên tòa**: Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: **Bà Nguyễn Thị Mai Hương** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2020/TLPT-KDTM ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hóa".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1272/2019/KDTM- ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị nguyên đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2045/2020/QĐ-PT ngày 28/4/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 4702/2020/QĐ-PT ngày 26/5/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Q;**

Địa chỉ: 140A đường N, phường B, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Khôi N; CMND số 340626777 do Công an tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 05/5/2015;

Địa chỉ: thôn P, thị trấn C, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 22/5/2020).

Bị đơn: **Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại D;**

Địa chỉ: 82 đường T, Phường R, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Hồ Hoàng H; Căn cước công dân số 058078000035 do Cục Cảnh sát cấp ngày 20/11/2017;

Địa chỉ: 82/45/8B đường Đ, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 06/5/2019).

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

- **Đại diện nguyên đơn trình bày:**

Ngày 01/03/2018, Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Q *(sau đây gọi tắt là Công ty Q/nguyên đơn)* và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại D *(sau đây gọi tắt là Công ty D/bị đơn)* ký kết Hợp đồng vận chuyển hàng hóa số 01HĐVCHH.2018/-DIC-ITC với nội dung chính:

Bị đơn thuê nguyên đơn vận chuyển 27.099,64 tấn Clinker; Đơn giá cước phí là 200.000 đồng/tấn; thời gian dự kiến xếp hàng từ ngày 15 đến ngày 20/03/2018, thời gian dự kiến xếp và dỡ hàng cả hai đầu là 14 ngày; cước phí thanh toán trước 50% trong vòng 03 ngày sau khi xếp hành xong, 50% còn lại thanh toán trong vòng 03 ngày kể từ ngày tài dỡ hàng xong. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã vận chuyển xong hàng hóa, theo đó, bị đơn cũng đã thanh toán tiền cước phí vận chuyển như sau:

- Ngày 02/05/2018 bị đơn thanh toán số tiền: 1.000.000.000đồng;

- Ngày 03/05/2018 bị đơn thanh toán số tiền: 1.709.964.000đồng.

Tổng số tiền cước phí bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn là 2.709.964.000 đồng; Số tiền còn lại của Hợp đồng vận chuyển tính đến ngày 25/05/2018 chưa thanh toán gồm: Tiền cước phí vận chuyển và tiền phạt dôi nhật là 4.084.727.575 đồng.

Ngoài ra, theo thỏa thuận trong hợp đồng thì bên vi phạm nghĩa vụ thanh toán phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất chậm trả theo lãi suất cho vay của ngân hàng tính từ ngày đến hạn thanh toán. Vì vậy, bị đơn còn phải trả tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất là 7%/năm.

Vì nhiều lần yêu cầu nhưng bị đơn vẫn không thanh toán số tiền còn lại nên ngày 25/7/2018, nguyên đơn khởi kiện với các yêu cầu:

1/. Buộc bị đơn có trách nhiệm trả số tiền nợ cước vận chuyển và tiền phạt dôi nhật là 4.084.727.575 đồng

2/. Buộc bị đơn có trách nhiệm trả tiền lãi đối với số nợ gốc nêu trên tính từ ngày 23/06/2018 theo mức lãi suất cơ bản 7.0%/năm.

- ***Đại diện bị đơn trình bày:***

Xác định bị đơn có ký Hợp đồng vận chuyển hàng hóa số 01HĐVCHH.2018/-DIC-ITC với nội dung đúng như nguyên đơn trình bày. Quá trình thực hiện hợp đồng, phía nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ vận tải theo hợp đồng nhưng do một số khó khăn, trở ngại về tài chính nên bị đơn chưa thanh toán đầy đủ tiền, đúng hạn cho nguyên đơn theo quy định trong hợp đồng. Bị đơn xác định việc nguyên đơn trình bày về tiến độ bị đơn trả tiền vận chuyển như trên là đúng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn có ý kiến như sau:

1/. Đồng ý trả cho nguyên đơn số nợ cước phí vận chuyển và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán theo đúng hợp đồng.

2/. Đối với khoản tiền phạt dôi nhật bị đơn đề nghị nguyên đơn không tính.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện nguyên đơn trình bày:

Xác định đến nay, số tiền cước vận chuyển mà bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn được tổng cộng 4.709.964.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 02/5/2018 thanh toán: 1.000.000.000 đồng;
- Ngày 03/5/2018 thanh toán: 1.709.964.000 đồng;
- Ngày 31/5/2018 thanh toán: 500.000.000 đồng;
- Ngày 22/6/2018 thanh toán: 500.000.000 đồng;
- Ngày 04/10/2018 thanh toán: 500.000.000 đồng;
- Ngày 15/11/2018 thanh toán: 500.000.000 đồng

Nguyên đơn có các yêu cầu, cụ thể như sau:

1/. Buộc bị đơn phải trả tiền cước vận chuyển hàng hóa còn là 709.964.000 đồng.

2/. Buộc bị đơn phải trả tiền phạt dôi nhật do vi phạm thời gian bóc dỡ hàng hóa là 2.355.000.000 đồng. Theo nguyên đơn thì tại khoản 3 Điều 8 của Hợp đồng quy định: *"Mức phạt 100.000.000 đồng/ngày tàu cho cả hai đầu xếp/dỡ..."* đây là tiền phạt dôi nhật trong trường hợp bị đơn vi phạm thời hạn xếp dỡ mà hai bên đã quy định *(số tiền phạt dôi nhật 100.000.000 đồng x 23.55 ngày = 2.355.000.000 đồng)*. Ngày 21/4/2018, bị đơn mới hoàn tất xong việc làm hàng ở cảng xếp là đã chậm trễ 23,55 ngày. Nguyên đơn xuất trình chứng cứ mới là các bản chụp email để chứng minh là bị đơn đã đồng ý trả tiền phạt dôi nhật.

3/. Buộc bị đơn phải trả tiền lãi do chậm thanh toán tiền cước và tiền phạt dôi nhật tính từ ngày 08/5/2019 đến ngày xét xử *(25/11/2019)* theo mức lãi suất 7% năm, cụ thể:

- Lãi do chậm thanh toán cước vận chuyển: 114.944.633 đồng.
- Lãi do chậm thanh toán tiền phạt dôi nhật: 384.800.548 đồng.

Đại diện bị đơn trình bày:

- Xác định hiện còn nợ nguyên đơn số tiền cước vận chuyển là 709.964.000 đồng đúng như nguyên đơn trình bày.

- Đối với tiền phạt dôi nhật 2.355.000.000 đồng bị đơn không chấp nhận, bởi hợp đồng vận chuyển mà hai bên đã ký không có bất cứ điều khoản nào thỏa thuận việc cho phép kéo dài thời gian xếp/dỡ hàng hóa và bị đơn phải trả tiền dôi nhật. Tại khoản 3 Điều 8 của Hợp đồng đã thể hiện rõ, hai bên chỉ thỏa thuận nếu bị đơn vi phạm thời hạn xếp/dỡ hàng hóa theo thỏa thuận thì bị phạt 100.000.000 đồng/ngày. Đây là điều khoản phạt vi phạm hợp đồng chứ không phải là thỏa thuận trả tiền dôi nhật, nội dung ghi trong hợp đồng đã thể hiện rất rõ là *"Mức phạt 100.000.000 đồng/ngày tàu cho cả hai đầu xếp/dỡ...* Vì lý do bất khả kháng nên ngày 21/4/2018, bị đơn mới hoàn tất xong việc làm hàng ở cảng xếp là đã vi phạm về thời gian xếp/dỡ hàng hóa. Vì vậy bị đơn chấp nhận trả cho nguyên đơn khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng. Tuy nhiên việc nguyên đơn buộc bị đơn phải trả 2.355.000.000 đồng cho vi phạm này là cao hơn 8% giá trị hợp đồng, trái với quy định của Luật Thương mại nên bị đơn chỉ chấp nhận một phần là trả cho nguyên đơn khoản tiền phạt tương đương 8% giá trị hợp đồng.

- Đối với chứng cứ nguyên đơn xuất trình tại phiên tòa là các bản chụp email, phía bị đơn không chấp nhận. Theo bị đơn thì các bản chụp này không có giá trị pháp lý. Mặt khác nếu chứng cứ này là có thật thì chỉ thể hiện việc nhân viên phòng kinh doanh của 02 công ty có trao đổi qua email với nhau. Không thể coi đây là chứng cứ chứng minh việc thỏa thuận giữa 02 công ty về việc trả tiền dôi nhật bởi không được xác lập giữa đại diện hợp pháp của 02 công ty nên không có giá trị pháp lý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1272/2019/KDTM-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận 3, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1 Buộc bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại D phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Q số tiền cước vận chuyển hàng hóa là 709.964.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 114.944.633 đồng, tổng cộng là 824.908.633 đồng *(phát sinh từ Hợp đồng vận chuyển hàng hóa số 01HĐVCHH.2018/-DIC-ITC ký kết ngày 01/3/2018).*

1.2 Buộc bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại D phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Q số tiền 433.594.240 đồng do vi phạm thời gian bốc xếp hàng hóa.

Việc trả tiền được thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 đối với số tiền phải trả đã tuyên ở trên kể từ ngày 26/11/2019 *(ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm)* cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí:

Bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại D phải chịu 49.755.086 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Nguyên đơn Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Q phải chịu 78.124.126 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.224.864 đồng theo biên lai thu số 0021355 ngày 12/9/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3. Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Q còn phải nộp 21.899.262 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 02/12/2019, nguyên đơn nộp đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm, buộc bị đơn thanh toán tiền dôi nhật 2.355.000.000 đồng, theo thỏa thuận của các bên tại khoản 3 Điều 8 của hợp đồng vận chuyển và tiền lãi chậm thanh toán.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh- Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên, phát biểu có nội dung chính như sau: Nhận thấy Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện được quyền và nghĩa vụ tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thừa nhận nội dung trình bày của các đương sự được thể hiện trong bản án sơ thẩm là đúng. Xét, Tòa án nhân dân Quận 3, thụ lý giải quyết tranh chấp về "hợp đồng vận chuyển hàng hóa", giữa Công ty ITC/nguyên đơn với Công ty DIC/bị đơn là đúng trình tự, thủ tục thẩm quyền. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên đơn kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Trong giai đoạn sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn và bị đơn trình bày thống nhất nội dung như sau: bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền cước vận chuyển là 709.964.000 đồng; tiền lãi chậm thanh toán của số

tiền cước vận chuyển, tính từ ngày 08/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (25/11/2019) theo mức lãi suất 7%/năm là 114.944.633 đồng. Nguyên đơn và bị đơn trình bày thống nhất là căn cứ vào Hợp đồng vận chuyển hàng hóa thì tổng thời gian bị đơn vi phạm xếp/dỡ hàng hóa đối với nguyên đơn là 23,55 ngày. Nguyên đơn yêu cầu, căn cứ Khoản 3, Điều 8 của Hợp đồng vận chuyển hàng hóa buộc bị đơn phải trả số tiền phạt dôi nhật là 2.355.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán của số tiền phạt dôi nhật theo mức lãi suất 7%/năm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 384.800.548 đồng. Tổng các khoản tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là 3.564.709.181 đồng. Riêng bị đơn trình bày, chấp nhận trả cho nguyên đơn khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng, nhưng việc nguyên đơn buộc bị đơn phải trả 2.355.000.000 đồng cho vi phạm này là cao hơn 8% giá trị hợp đồng là trái với quy định của Luật Thương mại nên bị đơn chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, chấp nhận trả khoản tiền phạt tương đương 8% giá trị hợp đồng; số tiền 433.594.240 đồng.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Tại Khoản 3, Điều 8 về "Trách nhiệm xếp/dỡ hàng hóa" của Hợp đồng vận chuyển hàng hóa; các bên thỏa thuận: "3. Mức xếp/dỡ và phạt/thưởng là: mức phạt 100.000.000 đồng/ngày tàu cho cả hai đầu xếp/dỡ (Một trăm triệu đồng một ngày) và phạt không thưởng". Xét, tranh chấp giữa các bên là tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng đường biển; vì vậy khi giải quyết tranh chấp phải áp dụng luật chuyên ngành là Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015; Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Luật Thương mại để giải quyết tranh chấp mà không áp dụng luật chuyên ngành là không đúng với nguyên tắc áp dụng pháp luật.

Tại Điều 180 Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015 quy định: "1. Các bên tham gia hợp đồng có thể thỏa thuận trong hợp đồng về thời gian cho phép kéo dài ngoài thời hạn bốc hàng quy định tại Điều 179 của Bộ luật này (gọi là thời hạn dôi nhật). 2. Tiền thanh toán về thời hạn dôi nhật do các bên thỏa thuận trong hợp đồng". Xét hợp đồng vận chuyển hàng hóa các bên ký kết không bị vô hiệu; tại Điều 8 của Hợp đồng, về trách nhiệm xếp/dỡ hàng hóa là 100.000.000 đồng/ngày tàu cho cả hai đầu xếp/dỡ- bên vi phạm phải trả tiền phạt"; thỏa thuận này của các đương sự là phù hợp với quy định của Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015 nên yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn phạt tiền dôi nhật đối với bị đơn với số tiền 2.355.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Nguyên đơn yêu cầu về tiền lãi do chậm thanh toán của số tiền phạt dôi nhật theo mức lãi suất 7%/năm tính đến ngày xét xử sơ thẩm; số tiền 384.800.548 đồng là thấp hơn mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường. Bản án sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 7%/năm theo yêu cầu của nguyên đơn mà không áp dụng mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường theo Điều 306 Luật Thương mại là có lợi cho bị đơn; phù hợp với Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự nên có cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên, quyết định của bản án sơ thẩm áp dụng Khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trong giai đoạn thi hành án là chưa chính xác; bởi đây là vụ án tranh chấp dân sự về kinh doanh thương mại nên phải áp dụng Điều 306 Luật Thương mại trong giai đoạn thi hành án, vì vậy cần sửa phần này cho đúng

với quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Do Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán tổng các khoản tiền cho nguyên đơn là 3.564.709.181 đồng, vì vậy Hội đồng xét xử xác định lại án phí bị đơn phải chịu và hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí khởi kiện và tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho nguyên đơn theo quy định.

Xét, việc sửa một phần bản án sơ thẩm, Tòa án nhân dân Quận 3 không có lỗi vì trong giai đoạn phúc thẩm các đương sự nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ giải trình thêm về việc ký kết và quá trình thực hiện hợp đồng vận chuyển nên được xem là có tình tiết mới tại cấp phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5; Khoản 2, Điều 308; Điều 309; Khoản 2, Điều 148; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 179; 180 Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015; Điều 306 Luật Thương mại. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Q. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 1272/2019/KDTM-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể:

Xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Q.

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại D phải có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Q, tổng số tiền là 3.564.709.181 đồng (Ba tỷ, năm trăm sáu mươi bốn triệu, bảy trăm lẻ chín ngàn, một trăm tám mươi một) đồng; (trong đó tiền cước vận chuyển là 709.964.000 đồng; tiền lãi chậm thanh toán của số tiền cước vận chuyển là 114.944.633 đồng; số tiền phạt dôi nhật là 2.355.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán của số tiền phạt dôi nhật là 384.800.548 đồng). Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Q có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại D không thi hành thì hàng tháng Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại D còn phải trả thêm số tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường; được quy định tại Điều 306 Luật Thương mại tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

2/. Về án phí:

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại D phải chịu án phí sơ thẩm là 103.294.184 *(Một trăm lẻ ba triệu, hai trăm chín mươi bốn ngàn, một trăm tám mươi bốn)* đồng, nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 56.224.864 *(Năm mươi sáu triệu, hai trăm hai mươi bốn ngàn, tám trăm sáu mươi bốn)* đồng, cho Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Q, theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2017/0021355 ngày 12/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm; Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 *(Hai triệu)* đồng cho Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Q, theo Biên lai thu số: AA/2018/0014932 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
-VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 3;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Công Toại